

VÀI NÉT VỀ QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

ĐINH CÔNG TUẤN*

Việt Nam đã chính thức lập quan hệ ngoại giao với Cộng đồng châu Âu vào ngày 22-10-1990 và hai bên đã ký kết Hiệp định khung vào ngày 17-7-1995. Kể từ đó đến nay, hai bên Việt Nam và EU đã không ngừng vun đắp cho mối tình hữu nghị hợp tác ngày càng tươi đẹp. Bài viết này của chúng tôi nhằm giới thiệu và đánh giá lại quá trình hợp tác giữa hai bên.

a. Hợp tác chính trị

Sau khi hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao (22-10-1990), cả hai phía Việt Nam - EU đều thiện chí, quyết tâm cải thiện mối quan hệ, hợp tác nhằm nâng lên tầm cao mới. Hàng loạt các chuyến thăm viếng cấp cao diễn ra với những Hiệp định, hợp tác được ký kết về mọi lĩnh vực: chính trị, ngoại giao, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hoá giáo dục... Mục tiêu cơ bản trong quan hệ lâu dài giữa Việt Nam và EU là: trên đà phát triển tốt đẹp, đẩy mạnh quan hệ hợp tác kinh tế không chỉ về thương mại, đầu

tư, hợp tác phát triển mà còn cả trong đối thoại chính trị. Quyết tâm chính trị cao của hai bên nhằm đưa quan hệ lên một tầm cao mới, biến quan hệ Việt Nam - EU thành "quan hệ đối tác toàn diện và bền vững, trên tinh thần ổn định lâu dài và tin cậy lẫn nhau, vì hoà bình, hợp tác và phát triển phồn vinh trong các thập kỷ của thế kỷ XXI"¹. Từ năm 1995 đến năm 2005, về chính trị, Việt Nam luôn luôn đánh giá cao vị trí chính trị của EU, xem EU là đối tác quan trọng hàng đầu trong hợp tác kinh tế thương mại, đầu tư, hợp tác phát triển, chuyển giao công nghệ và hội nhập quốc tế. Việt Nam luôn bày tỏ cảm ơn chân thành và đánh giá cao sự ủng hộ và giúp đỡ của EU dành cho Việt Nam và đề nghị EU sớm công nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường phục vụ cho các cuộc điều tra và bảo hộ mậu dịch². Và ngày 9-10-2004, Việt Nam và EU đã kết thúc đàm phán song phương thứ 10 về việc Việt Nam gia nhập WTO. EU đã khẳng định coi Việt

* TS. Đinh Công Tuấn, Viện Nghiên cứu Châu Âu.

Nam là nước đang phát triển, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi và là thị trường giàu tiềm năng đối với EU³.

Quan hệ Việt Nam - EU còn được thể hiện trong Hội nghị Á - Âu (ASEM 5) tổ chức tại Hà Nội trong hai ngày 8 và 9-10-2004. Điều muốn nói ở đây là, nhân Hội nghị Á - Âu lần này, Việt Nam đã có dịp đón và tiếp xúc với rất nhiều vị lãnh đạo các nước Á - Âu, thoả thuận và ký kết song phương hàng chục văn bản, trong đó có những dự án viện trợ, hoặc hợp tác giá trị hàng chục triệu USD, góp phần thắt chặt quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước Á - Âu, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Thông qua ASEM 5, chúng ta đã làm đẹp thêm hình ảnh một nước Việt Nam năng động, ổn định, giàu tiềm năng, đáng tin cậy và đang chủ động hội nhập quốc tế theo tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hoà bình và phát triển"⁴.

b. Hợp tác kinh tế

Kể từ khi Việt Nam và Cộng đồng châu Âu (EC) thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (22-10-1990), quan hệ kinh tế giữa hai bên đã không ngừng phát triển. Nhưng nhìn chung trong 5 năm từ 1990 đến trước khi hai bên ký Hiệp định Hợp tác (17-7-1995), quan hệ hợp tác kinh tế còn dừng ở mức khiêm tốn. Hoạt động kinh tế chủ yếu tập trung trong lĩnh vực viện trợ phát triển của EU cho Việt Nam. Ví dụ: trong

chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Pháp F.Mitterand tháng 2-1993, Pháp quyết định tăng gấp đôi viện trợ năm 1993 so với năm 1992 cho Việt Nam, với tổng số tiền viện trợ là 435 triệu France Pháp.

Còn Bỉ tuyên bố xoá nợ chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi giúp Việt Nam thanh toán nợ thương mại. Đức thì tăng cường viện trợ tài trợ tài chính, kỹ thuật cho Việt Nam năm 1992 là 42 triệu DM (tăng 38%) so với năm 1991. Anh cũng rất quan tâm đến hợp tác kinh tế giúp đỡ vật chất cho Việt Nam. Năm 1993, Anh đã cho Việt Nam vay ưu đãi 50 triệu bảng, thực hiện một số dự án ưu tiên của Việt Nam. Italia nối lại viện trợ cho Việt Nam từ năm 1990, với khối lượng tăng đều hàng năm. Bên cạnh đó phải kể đến các khoản viện trợ to lớn, có hiệu quả của các nước Bắc Âu giành cho Việt Nam như Phần Lan, Thụy Điển, Đan Mạch...

Cùng với các hoạt động viện trợ phát triển của các nước EC cho Việt Nam, giai đoạn 1990-1995 quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và EC đã được tiến hành, nhưng qui mô không lớn, khối lượng hạn chế, kim ngạch nhỏ bé.

Về thương mại

Trong 5 năm từ 1985 đến 1989, Việt Nam đã xuất khẩu sang EC một khối lượng hàng hoá trị giá 218,2 triệu USD, tập trung vào các thị trường Pháp chiếm 74,5%, Đức chiếm 10,5%, Bỉ 5,7%, Anh 4,3%, Italia 3,6% và Hà Lan 1,4%.

Bảng 1: Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam sang EU từ năm 1990 đến năm 1995

Đơn vị: triệu USD

Năm	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU		Kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam		Tổng Kim ngạch xuất, nhập khẩu		Trị giá xuất siêu
	Trị giá	Tăng%	Trị giá	Tăng%	Trị giá	Tăng%	Triệu USD
1990	141,6		153,6		295,2		-12
1991	112,2	-20,8%	274,5	87,7%	386,7	31%	-162,3
1992	227,9	103,1%	233,2	-15%	461,1	19,2%	-5,3
1993	216,1	5,2%	419,5	79,9%	635,6	37,8%	-203,4
1994	383,8	77,6%	476,6	13,6%	860,4	34,5%	-9,2,8
1995	720	87,6%	688,3	44,4%	1.408,3	63,7%	-31,7

Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm tin học và thống kê - Tổng cục Hải Quan.

Nhận xét:

Qui mô buôn bán hai bên không ngừng gia tăng, trong vòng 5 năm (1990-1995) đã tăng gấp 6 lần

Trong cán cân thương mại giữa hai bên Việt Nam luôn nhập siêu trong những năm đầu (1990-1994), duy chỉ có năm 1995, Việt Nam đã xuất siêu 31,7 triệu USD. Kể từ khi hai bên ký Hiệp định hợp tác (17-7-1995), Hiệp định đã tạo ra cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác song phương, tạo nên cơ chế trao đổi thường kỳ, là dịp tốt để có thể trao đổi quan điểm, phát triển các chương trình và hoạch định các sáng kiến. Hiệp định là cơ sở cho sự hỗ trợ về phát triển của EC và cho việc thành lập một khuôn khổ cho hoạt động thương mại song phương trên cơ sở quốc gia được ưu đãi nhất.

Dựa trên nguyên tắc vững chắc đó, quan hệ Việt Nam - EU đã và đang phát triển mạnh mẽ như là một kết quả của những nỗ lực hợp tác của Ủy ban Châu Âu và các nước thành viên trong EU. EU đã và đang trở thành nhà tài trợ lớn nhất về viện trợ phát triển cho Việt Nam, và hỗ trợ cho Việt Nam ở những lĩnh vực và khu vực ưu tiên như phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ quá trình cải cách kinh tế, xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới. EU cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường và làm hài hoà các khoản viện trợ dành cho Việt Nam.

Riêng trong lĩnh vực thương mại, kể từ khi có Hiệp định hợp tác (1995), thương mại hai chiều đã tăng lên về qui mô, khối lượng hàng hoá và kim ngạch.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam - EU từ năm 1996 đến nay

Năm	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU		Kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam		Kim ngạch nhập khẩu		Trị giá xuất khẩu
	Trị giá	Tăng%	Trị giá	Tăng%	Trị giá	Tăng%	
1996	900,5	25,1	1.134,2	64,8	2.034,7	44,5	-233,7
1997	1608,4	78,6	1324,4	16,8	2.032,8	44,1	284,0
1998	2125,4	32,2	1307,6	-1,3	3.433,4	17,1	818,2
1999	2506,3	17,9	1052,8	-19,5	3.559,1	3,7	1.453,5
2000	2824,4	12,7	1302,6	23,7	4.127,0	15,9	521,8
2001	3002,9	6,3	1527,4	17,2	4.530,3	9,7	1.474,5
2002	3149,9	4,9	1841,1	20,5	4.991,1	10,2	1.308,8
2003	3858,8	22,5	2472,0	34,3	6.330,8	26,8	1.386,8
2004	4962,6	28,7	2509,5	3,5	7.472,1	18	2.453,1

Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm Tin học và Thống kê - Tổng cục Hải Quan

Nhận xét:

1/ Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU tăng nhanh trong những năm gần đây, từ 2 tỷ USD năm 1996 lên đến 6,33 tỷ năm 2003 và 7,47 tỷ USD năm 2004, trong đó Việt Nam liên tục xuất siêu 1,45 tỷ năm 1999 và 2,45 tỷ USD năm 2004, đưa EU trở thành bạn hàng số 1 của Việt Nam. Dự kiến năm 2005, Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai bên đạt 8,5 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang EU khoảng 5,9 tỷ USD, xuất siêu khoảng 2,6 tỷ USD.

2/ Trong số các nước thành viên EU là khách hàng nhập khẩu của Việt Nam năm 2004, thì Đức nhập 1,1 tỷ USD, Anh 990 triệu USD, Pháp 525 triệu USD, Hà Lan 560 triệu USD, Bỉ 517 triệu USD và Italia 360 triệu USD...

3/ Trong số các mặt hàng chủ yếu của Việt Nam xuất khẩu sang EU trong những năm gần đây thì giày dép xếp số 1, năm 2000 là 1,039 tỷ USD, năm 2004

là 1,85 tỷ USD; mặt hàng dệt may đứng thứ 2, năm 2000 là 609 triệu USD, năm 2004 là 860 triệu USD; tiếp theo là cà phê, năm 2000 là 201 triệu USD và năm 2004 là 467 triệu USD; sau đó là sản phẩm gỗ năm 2004 là 306 triệu USD, hải sản năm 2004 là 235 triệu USD, mỹ nghệ năm 2004 xuất 180 triệu USD⁵.

4/ EU đã dành cho Việt Nam hưởng qui chế tối huệ quốc và cơ chế GSP (ưu đãi thương mại dành cho các nước đang phát triển).

Về đầu tư:

Số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của EU vào Việt Nam là khá lớn: 450 dự án với tổng số vốn trên 7 tỷ USD, có nhiều dự án quy mô lớn lên đến vài trăm triệu USD⁶. Đầu tư của EU tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp là những ngành đòi hỏi vốn lớn, công nghệ hiện đại, có đội ngũ cán bộ, công nhân giỏi về nghiệp vụ và kỹ thuật. Doanh nghiệp EU thể hiện rõ về

sự vượt trội khi đầu tư vào các ngành công nghiệp nặng có quy mô vốn đăng ký gấp 2,8 lần so với các dự án khác. Ngoài ra EU còn tập trung đầu tư vào các ngành có thế mạnh của họ mà Việt Nam rất cần như: công nghiệp chế tạo, dịch vụ tài chính ngân hàng, kỹ thuật cao... Tuy vậy do môi trường đầu tư ở Việt Nam chưa hấp dẫn, tính ổn định về cơ chế cũng như thủ tục hành chính và chi phí đầu tư cao so với mặt bằng khu vực nên đang tạo ra những thách thức đáng kể trong việc thu hút FDI của EU vào Việt Nam. Mặt khác về khách quan mà nhận xét, các nước EU đang dành ưu tiên cao cho các nước, khu vực mà họ có quan hệ truyền thống như Đông Âu, châu Phi, nên con số 7 tỷ USD đầu tư từ châu Âu vào Việt Nam chưa phản ánh hết vốn đầu tư đầy tiềm năng của EU.

Điểm sáng dễ nhận thấy trong quan hệ hợp tác giữa EU và Việt Nam trong nhiều năm gần đây là EU đang là nhà viện trợ (ODA) không hoàn lại lớn nhất cho Việt Nam. ODA của EU được thực hiện thông qua các kế hoạch chiến lược hợp tác song phương (CSP) giai đoạn 1996 - 2000, 2001 - 2006, EU cam kết tài trợ 162 triệu EURO cho Việt Nam. ODA của EU tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam như phát triển nông thôn nhằm giảm khoảng cách giàu - nghèo; tập trung vào vùng sâu, vùng xa, miền núi; phát triển nguồn nhân lực; phát triển y tế giáo dục; hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, quản lý chất lượng, sở hữu trí tuệ; hỗ trợ cải cách hành chính, tư pháp, ngân hàng, tài chính và hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện nay, EU

đang tiến hành nghiên cứu khả thi và hoàn thiện Hiệp định tài chính cho các dự án thuộc giai đoạn 2005-2006 gồm hỗ trợ giáo dục, đào tạo, y tế; hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân; phát triển nông thôn Tây Nguyên; hỗ trợ chính sách thương mại đa biên (giai đoạn mở rộng); hỗ trợ thể chế và qui hoạch đô thị tại Việt Nam... Các chương trình hợp tác phát triển của EU dành cho Việt Nam đang ngày càng phát huy có hiệu quả. Các chương trình hợp tác mới ngày càng đi vào chiều sâu, giúp Việt Nam thúc đẩy cải cách toàn diện và phát triển bền vững. Với việc EU mở rộng lên 25 thành viên (2004), tương lai còn nhiều hơn nữa (2007 sẽ là 27 thành viên), cơ hội và triển vọng hợp tác hai bên sẽ phát triển cao hơn, bởi nhiều thành viên mới của EU cũng đang là những đối tác truyền thống, rất quan trọng của Việt Nam.

CHÚ THÍCH

- ¹ Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Dy Niên, Đặc san Thời báo Kinh tế Sài Gòn 5-5-2005, tr 44.
- ² Báo Nhân dân ngày 9-10-2004, trang 5.
- ³ Báo Nhân dân ngày 10-10-2004, trang 8.
- ⁴ Phó Thủ tướng Vũ Khoan trả lời phỏng vấn báo Nhân Dân nhân kết thúc Hội nghị cấp cao ASEM 5. Báo Nhân Dân 10-10-2004, trang 8.
- ⁵ Đề án tổng thể quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu của chính phủ, trang 7
- ⁶ Thời báo kinh tế Sài Gòn ngày 5-5-2005, trang 40.